TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT
Ngày: 11-3-2020.
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang; bà Trương Thị Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 06 và 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 82/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1969, cư trú tại: Khu phố A, phường S, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Bích H: Anh Lê Phước Y, sinh năm 1995, cư trú tại: Khu phố N1, phường S, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Trương Quốc P, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NQ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ngân hàng N Việt Nam, địa chỉ trụ sở: Đường L1, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, Chủ tịch Hội đồng

thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Cao Tấn T, Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Vương Hoàng T1, sinh năm 1979, Cán bộ pháp chế Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh Tây Ninh, có mặt.

+ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, địa chỉ trụ sở: Đường P, Phường Z, thành phố M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Trần Đặng Đa L1, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh thành phố M, yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Văn phòng Công chứng L, địa chỉ trụ sở: Khu phố U, Phường W, thành phố M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Tâm L, Trưởng Văn phòng, yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tây Ninh, địa chỉ trụ sở: Khu phố X, Phường Y, thành phố M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Vũ Hiếu T2, Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà Trần Thị Tuyết N1, Chấp hành viên, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lã Thị Kim T2, sinh năm 1972, cư trú tại: Đường V1, Phường H1, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968, cư trú tại: Đường Đ, khu phố H2, Phường H3, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, Tòa án không triệu tập.

+ Bà Nguyễn Hương N, sinh năm 1973, cư trú tại: Khu phố A1, Phường S1, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, Tòa án không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Bích H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Bích H và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà H là anh Lê Phước Ý trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2015, bà Lê Thị Bích H có cho bà Lã Thị Kim T2 vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 5.150.00.000 đồng, bà T2 không trả theo thỏa thuận.

Bà Nguyễn Hương N đang nợ bà T2 3.800.000.000 đồng, bà H, bà T2 và bà N1 cùng thỏa thuận là bà T2 chuyển giao nghĩa vụ cho bà N1 trả bà H 3.800.000.000 đồng. Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ này, bà N1 đã ký

hợp đồng thế chấp cho bà H 165,8 m^2 đất, thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố F, Phường G, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH00536 ngày 10-6-2011, do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) cấp, bà N1 đứng tên, trên đất có nhà hai tầng.

Do nhà, đất đang thế chấp cho Ngân hàng N Việt Nam, tại Chi nhánh tỉnh Tây Ninh (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) nên bà H và bà N1 thỏa thuận là bà H cho bà N1 mượn tiền trả Ngân hàng N để giải chấp tài sản và công chứng hợp đồng thế chấp.

Ngày 26-7-2016, bà H trả cho Ngân hàng N số tiền 798.801.000 đồng mà bà N1 nợ và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đi xóa thế chấp.

Ngày 05-9-2016, bà N1 lập hợp đồng thế chấp cho bà H nhà, đất nêu trên để bảo đảm số tiền nợ 4.600.000.000 đồng, gồm nợ do bà T2 chuyển giao và nợ do bà H trả Ngân hàng thay bà N1, hợp đồng có công chứng tại Văn phòng Công chứng TT (nay là Văn phòng Công chứng L), bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29-3-2017, bà N1 báo cho bà H biết tài sản mà bà N1 thế chấp đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M (sau đây viết tắt là Chi cục Thi hành án) kê biên, cưỡng chế thi hành án cho những người khác.

Tài sản mà bà N1 thế chấp cho bà H, Chi cục Thi hành án đã bán đấu giá và người mua trúng đấu giá đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H cho rằng hợp đồng thế chấp giữa bà N1 và bà bị vô hiệu vì tài sản thế chấp đã bị cưỡng chế thi hành án, bà H bị thiệt hại 4.600.000.000 đồng, nguyên nhân thiệt hại là do hành vi trái pháp luật của các cơ quan, tổ chức sau đây gây ra:

- Chi cục Thi hành án không giao Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 39/QĐ-CCTHA ngày 06-5-2013 cho Ngân hàng N là không đúng theo khoản 2 Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự; theo Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 10-4-2013, Ngân hàng N đã cung cấp thông tin về tài sản thế chấp của bà N1 nhưng khi kê biên, cưỡng chế Chi cục Thi hành án không đưa Ngân hàng N vào tham gia là không đúng theo khoản 1 Điều 111 của Luật Thi hành án dân sự.

- Ngân hàng N chấp nhận việc trả nợ của bà N1, giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp khi chưa được sự đồng ý của Chi cục Thi hành án là vi phạm các điều: 47, 58, 67, 89, 90 của Luật Thi hành án dân sự.

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (sau đây viết tắt là Văn phòng Đăng ký đất đai) xóa thế chấp tài sản của bà N1 với Ngân hàng N là không đúng pháp luật.

- Văn phòng Công chứng L không xác minh tài sản trước khi công chứng hợp đồng thế chấp là vi phạm Điều 5 của Luật Công chứng.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, Ngân hàng N Việt Nam, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Văn phòng Công chứng L phải liên đới bồi thường cho bà H 4.600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 01%/tháng, kể từ ngày 05-9-2016.

Bị đơn Ngân hàng N Việt Nam do ông Vương Hoàng T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18-4-2012, Ngân hàng N có cho bà Nguyễn Hương N vay 1.260.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18-4-2015, tài sản thế chấp là 165,8 m^2 đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH00536 ngày 10-6-2011, bà N1 đứng tên.

Ngày 26-7-2016, bà N1 trả tất nợ, Ngân hàng giải chấp tài sản và gửi văn bản cho Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu xóa thế chấp tài sản của bà N1 theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Người trực tiếp trả tiền là bà H hay bà N1 thì Ngân hàng không biết, Ngân hàng không cấm việc trả nợ thay và ký thay trên các chứng từ trả nợ.

Ngân hàng không có lỗi nên không chấp nhận liên đới bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M do bà Trần Thị Tuyết N1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Hương N phải trả cho ông Nguyễn Văn Tổng số tiền 746.150.000 đồng và nộp 16.923.000 đồng án phí, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 28/2013/QĐST-DS ngày 05-02-2013, của Tòa án nhân dân thị xã M, Chi cục Thi hành án đã ra Quyết định Thi hành án số: 160/QĐ-THADS ngày 20-02-2013 và Quyết định Cưỡng chế thi hành án số: 39/QĐ-CCTHADS ngày 06-5-2013.

Chi cục Thi hành án có Công văn số: 86/THA ngày 26-02-2013, gửi Văn phòng Đăng ký đất đai, yêu cầu hỗ trợ.

Theo Biên bản xác minh điều kiện thi hành án của bà N1 vào ngày 10-4-2013, Ngân hàng N cung cấp như sau: Bà N1 đang thế chấp 165,8 m^2 đất, thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố F, Phường G, thành phố M, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH00536 ngày 10-6-2011, bà N1 đứng tên, trên đất có nhà hai tầng.

Do bà N1 không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án phải kê biên, cưỡng chế tài sản để thi hành.

Ngày 15-5-2013, Chi cục Thi hành án lập biên bản kê biên tài sản nêu trên để thi hành án, có sự chứng kiến của bà N1 nhưng sau đó ngưng không bán đấu giá vì bà N1 còn được thi hành án 5.031.814.000 đồng; nhà, đất này là tài sản duy nhất của bà N1. Sau đó có bản án buộc bà N1 phải thi hành cho bà Huỳnh Thị Mai Phương số tiền 2.540.000.000 đồng.

Tính đến tháng 12 năm 2016, số tiền bà N1 được thi hành án không đủ chi cho các khoản tiền bà N1 phải thi hành án nên Chi cục Thi hành án yêu cầu bà N1 giao tài sản để bán đấu giá.

Ngày 15-12-2016 bà N1 chấp nhận đưa tài sản ra thẩm định giá để thi hành án và có yêu cầu *nếu bán được tài sản thì phải đưa số nợ bà H vào để chia theo tỷ lệ*. Yêu cầu này không được chấp nhận vì bà H chưa khởi kiện bà N1, chưa có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, những người được thi hành án cũng không đồng ý.

Ngày 03-01-2017, bà H có đến Chi cục Thi hành án hỏi và được cung cấp thông tin về việc kê biên tài sản của bà N1 nhưng bà H không khởi kiện.

Chi cục Thi hành án ký hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá Khải Hưng (sau đây viết tắt là Công ty Khải Hưng) để bán đấu giá tài sản của bà N1.

Ngày 30-01-2018, bán đấu giá thành, bà Nguyễn Thị Thu Hà là người mua được tài sản với giá trúng là 1.748.200.000 đồng.

Chi cục Thi hành án có văn bản yêu cầu bà H nộp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất của bà N1 nhưng bà H không nộp.

Chi cục Thi hành án gửi công văn yêu cầu Văn phòng Đăng ký đất đai hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà của bà N1, giấy chứng nhận đã được hủy và người mua trúng đấu giá là bà Hà đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản của bà N1 đã bị kê biên từ năm 2013, bà H và bà N1 ký hợp đồng thế chấp năm 2016 nhưng không đăng ký giao dịch bảo đảm, vi phạm quy định pháp luật về kê biên.

Chi cục Thi hành án không chấp nhận liên đới bồi thường cho bà H.

Bị đơn Văn phòng Công chứng L do ông L đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 05-6-2016, Văn phòng Công chứng L có công chứng hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà N1 và bà H. Tài sản thế chấp là là nhà và đất của bà N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH00536 ngày 10-6-2011, bà N1 đứng tên, trên đất có nhà hai tầng.

Tại thời điểm ký kết, bà N1 minh mẫn, sáng suốt, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua kiểm tra cũng không thấy có bất kỳ yêu cầu nào ngăn chặn việc công chứng.

Công chứng viên đã thực hiện đúng chức năng, đúng pháp luật nên không chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà H.

Bị đơn Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, do ông Trần Đặng Đa L1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo đơn yêu cầu của Ngân hàng N, Văn phòng Đăng ký đất đai đã xóa thế chấp tài sản của bà N1 theo đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị Kim T2 trình bày:

Bà và bà N1, bà H quen biết nhau. Bà và bà H có cho bà N1 vay tiền nhưng sau đó bà N1 không có khả năng trả.

Bà có chứng kiến việc bà N1 thỏa thuận với bà H để trả nợ, bà H hỏi về tài sản của bà N1 và được bà N1 cho biết là tài sản đang bị kê biên, cưỡng chế thi hành án vài trăm triệu đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho Ngân hàng N. Bà H đi cùng bà N1 đến Chi cục Thi hành án và Ngân hàng N, bà H thỏa thuận với bà N1 là bà H trả nợ Ngân hàng cho bà N1 để giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà N1 chuyển nhượng nhà đất cho bà H để trừ số tiền bà đã bảo lãnh cho bà N1 vay của bà H. Vì vậy bà không liên quan gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hương N, ông Nguyễn Văn H: Đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 82/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H đối với Ngân hàng N Việt Nam; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; Văn phòng Công chứng L; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, bà Lê Thị Bích H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, trái pháp luật, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm bà H có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Lê Phước Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày:

Chi cục Thi hành án kê biên tài sản của bà N1 trong khi tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng N nhưng không thông báo cho Ngân hàng N biết việc kê biên là vi phạm Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự. Trong quá trình kê biên bà N1 đã thông báo cho Chi cục Thi hành án biết là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho bà Lê Thị Bích H để bảo đảm khoản nợ 4.800.000.000 đồng nhưng Chi cục Thi hành án không thông báo cho bà H được khởi kiện tại Tòa án là vi phạm Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự.

Những sai phạm của Văn phòng Đăng ký đất đai, Ngân hàng N, Văn phòng Công chứng L mà người đại diện của bà H trình bày là hoàn toàn có căn cứ. Những sai phạm của họ dẫn đến hậu quả là bà H nhận thế chấp nhà, đất của bà N1 một cách hợp pháp nhưng hợp đồng không thực hiện được vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị hủy, bà H bị thiệt hại số tiền 4.800.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của bà H, nếu không chấp nhận thì phải tuyên cho bà H có quyền khiếu nại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Bà Trần Thị Tuyết N1, ông Trần Đặng Đa L1, ông Lương Tâm L, bà Lã Thị Kim T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Bà Nguyễn Hương N1, ông Nguyễn Văn H không liên quan đến việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà H nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

[2] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Lê Thị Bích H rút đơn khởi kiện nhưng các bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà H nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của bà H.

[3] Xét về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H đối với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, thấy rằng:

Chi cục Thi hành án; Văn phòng Đăng ký đất đai là cơ quan Nhà nước, hành vi bị khởi kiện là hành vi do người thi hành công vụ thực hiện. Điều 1 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định phạm vi điều chỉnh như sau: *"Luật này quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án; thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại…"*.

Đối chiếu quy định nêu trên thì thủ tục giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H đối với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tại Điều 4 của Luật này và Điều 1 của Thông tư liên tịch số: 17/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 07-12-2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự, quy định về thời điểm xác định quyền yêu cầu bồi thường là: *Người bị thiệt hại có quyền yêu cầu giải quyết việc bồi thường khi có văn bản*

của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của bà H liên quan trực tiếp đến quá trình kê biên, cưỡng chế thi hành án đối với tài sản của bà Nguyễn Hương N1 là 165,8 m^2 đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00536 ngày 10-6-2011, bà N1 đứng tên và tài sản trên đất, việc kê biên, cưỡng chế do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M thực hiện; liên quan đến việc xóa thế chấp và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh thực hiện nhưng bà H có thực hiện quyền khiếu nại theo quy định pháp luật hay chưa, kết quả giải quyết thế nào không có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà H khai chưa khiếu nại tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, chưa khiếu nại về việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M không cho bà H thực hiện quyền khởi kiện ra Tòa án trong khi bà H có liên quan đến tài sản của bà N1 bị kê biên cưỡng chế.

Như vậy, bà H chưa có đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu bồi thường đối với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ, trả lại đơn khởi kiện cho bà H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự mà đưa ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của bà H đối với Ngân hàng N và Phát triển nông thôn Việt Nam, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ vì ngoài biên bản xác minh về tài sản của bà N1 đang thế chấp tại Ngân hàng do Chi cục Thi hành án lập ngày 10-4-2013 ra, tính đến ngày 26-7-2016 là ngày giải chấp tài sản, Ngân hàng N không nhận được văn bản hay thông tin gì về việc ngăn chặn giao dịch hay kê biên, cưỡng chế đối với tài sản của bà N1. Việc Ngân hàng giải chấp tài sản khi bà N1 trả tất nợ là đúng theo quy định pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà H đối với Văn phòng Công chứng L, bà H cho rằng vi phạm nghĩa vụ kiểm tra thông tin tài sản là không có căn cứ vì khi công chứng hợp đồng hai bên đã xuất trình bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay thông tin gì trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo không được giao dịch đối với nhà, đất của bà N1. Văn phòng Công chứng đã thực hiện đúng theo khoản 3 Điều 40 của Luật Công chứng là: *Công chứng viên kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng. Trường hợp hồ sơ yêu cầu công chứng đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật thì thụ lý và ghi vào sổ công chứng.*

[6] Các bị đơn là những cơ quan, tổ chức riêng lẻ, không có mối liên hệ với nhau về quyền và nghĩa vụ, bà H khởi kiện yêu cầu liên đới bồi thường nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu của bà H đối với từng cơ quan, tổ chức mà xác định chung nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xử lý riêng từng yêu cầu đối với từng cơ quan, tổ chức bị khởi kiện, không xử lý được tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và không định đoạt được tiền án phí sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao lại hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật. Do hủy bản án sơ thẩm nên không giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà H.

[8] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[9] Do hủy bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số: 82/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tây Ninh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Bích H không phải chịu, hoàn trả cho bà H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số: 0001946 ngày 20-11-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP. M;
- TAND TP. M;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Đồng